ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36/2026/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 229/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2026.

2. Quyết định số 60/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng ban Ban

Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có biển; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam-Bộ NN&MT;
- Các Sở: NN&MT, TC, NV, XD, VH-TT&DL;
- BQL Khu kinh tế tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- CT UBND xã, phường có biển;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, N3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Dương Mah Tiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung và trách nhiệm quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hành lang bảo vệ bờ biển là dải đất ven biển được thiết lập ở những khu vực cần bảo vệ hệ sinh thái, duy trì giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên ở vùng bờ; giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

2. Chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển được tính từ đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm về phía đất liền hoặc về phía trong đảo.

Ranh giới ngoài của hành lang bảo vệ bờ biển là đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm; ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển nằm về phía đất liền hoặc về phía trong đảo, là đường nối các điểm có khoảng cách được xác định để bảo đảm chiều rộng hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

3. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển được dùng để xác định ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển trên thực địa, đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật.

4. Quy cách mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; khoảng cách giữa các mốc giới ngoài thực địa; vị trí mốc trên bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển; cắm mốc giới trên thực địa, lập sơ đồ, bảng thống kê vị trí mốc giới và hiệu chỉnh bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định tại

Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 của Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

Điều 4. Nguyên tắc chung

Khi lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án phải thống nhất với bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển để khi triển khai không vi phạm các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 5. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển:

a) Khai thác khoáng sản, trừ trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

b) Xây dựng mới, mở rộng công trình xây dựng, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa và các công trình xây dựng khác phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

c) Xây dựng mới nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải.

d) Khoan, đào, đắp trong hành lang bảo vệ bờ biển, trừ các hoạt động quy định tại Điều 25 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13.

đ) Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ bờ biển.

e) Hoạt động làm sạt lở bờ biển, suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển:

a) Việc khai thác nước dưới đất chỉ được tiến hành trong trường hợp khẩn cấp phục vụ phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, khắc phục sự cố môi trường hoặc khai thác nước dưới đất phục vụ các mục đích khác khi không có nguồn nước nào khác để khai thác.

b) Việc khai hoang, lấn biển, thăm dò khoáng sản, dầu khí chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Việc cải tạo công trình đã xây dựng chỉ được thực hiện nếu không làm thay đổi mục đích sử dụng, quy mô, kết cấu, độ sâu, chiều cao của công trình đã

xây dựng hoặc việc cải tạo công trình đã xây dựng có tác động tốt hơn đối với việc duy trì, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

d) Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ làm suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên chỉ được tiến hành khi đã có giải pháp bảo đảm không làm ảnh hưởng đến yêu cầu, mục tiêu của việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

đ) Ngoài các điều kiện hạn chế quy định nêu trên, các hoạt động quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm d khoản này chỉ được phép thực hiện sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 6. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hằng năm và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, đảm bảo đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ được lưu giữ.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ HÀNH LANG BẢO VỆ BỜ BIỂN

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối quản lý hành lang bảo vệ bờ biển có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức việc thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

b) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

c) Lưu giữ hồ sơ hành lang và hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

d) Hằng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng.

đ) Tổ chức kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 35a Nghị định số

40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

g) Hằng năm giám sát, theo dõi biến động bờ biển và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định.

h) Phân công đơn vị, công chức phụ trách về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tăng cường năng lực cho cấp xã trong quản lý hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, căn cứ chủ trương của cấp thẩm quyền và trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương có liên quan, Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách, rà soát, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định này theo phân cấp ngân sách nhà nước, các quy định của pháp luật hiện hành đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

3. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển. Trong công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch các dự án đảm bảo tuân thủ hành lang bảo vệ bờ biển được duyệt.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hướng dẫn các cơ quan báo chí hoạt động trên địa bàn và Báo và Phát thanh, Truyền hình phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển. Chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển thuộc phạm vi quản lý.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên chưa khai thác, sử dụng trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP.

6. Các sở, ban, ngành khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP và Quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường có biển

1. Tổ chức thực hiện văn bản pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên chưa khai thác, sử dụng trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật.

3. Tham gia xây dựng và phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

4. Quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn; đề xuất điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thuộc phạm vi quản lý.

5. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn.

6. Bố trí công chức phụ trách công tác quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, bao gồm công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật số 82/2015/QH13; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, Nghị định số 44/2026/NĐ-CP và Quy định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường có biển phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.